

Số: 22/2020/QĐST-DS

Văn Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2019/TLST - DS ngày 24 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Ứng Văn V**; Sinh năm: 1957

Trú tại: Số 58 - Tổ 14 - Phố SĐ - Phường SĐ - Quận LB - Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông **Ứng Văn G**; Sinh năm: 1972

Trú tại: PT - NT - VG - HY

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cụ Đặng Thị L; Sinh năm: 1927

3.2. Bà Ứng Thị S; Sinh năm: 1955

Đều trú tại: PT - NT - VG - HY

3.3. Ông Ứng Văn Đ; Sinh năm: 1960

Trú tại: PK - LH - VL - HY

3.4. Bà **Ứng Thị V1**; Sinh năm: 1965 (Tên gọi khác: Ứng Thị V2)

3.5. Bà **Ứng Thị N**; Sinh năm: 1968

Đều trú tại: LC - NT - VG - HY

3.6. Bà **Ứng Thị M**; Sinh năm: 1976

Trú tại: Số 1 – Ngách 20 - Ngõ 175 - Đường LLQ - Phường ND - Quận CG - Thành phố Hà Nội.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hàng thừa kế:

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ứng Văn Q gồm: Cụ Đặng Thị L, bà Ứng Thị S, ông Ứng Văn V, ông Ứng Văn Đ, bà Ứng Thị V1, bà Ứng Thị N, ông Ứng Văn G và bà Ứng Thị M.

2.2. Về di sản thừa kế:

Di sản của cụ Ứng Văn Q để lại là quyền sử dụng thửa đất sau:

- Thửa đất số 31 tờ bản đồ số 21 diện tích 115m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 854453 do UBND huyện VG cấp ngày 03/10/2013 tại thôn PT, NT, VG, HY, tên chủ sử dụng là bà Đặng Thị L. Diện tích đo hiện trạng thực tế là 118,9m².

- Toàn bộ các tài sản trên thửa đất trên đều không phải là di sản thừa kế, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.3. Về việc phân chia di sản thừa kế như sau:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế như sau:

- Giao ông Ứng Văn V quản lý, sử dụng 59,5m² đất tại thửa số 31 tờ bản đồ số 21 tại thôn PT, NT, VG, HY.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 04/6/2020, tài sản ông V được hưởng có giá trị: 59,5 x 8.000.000đ = 476.000.000đ.

- Giao ông Ứng Văn G quản lý, sử dụng 59,4m² đất tại thửa số 31 tờ bản đồ số 21 tại thôn PT, NT, VG, HY.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 04/6/2020, tài sản ông G được hưởng có giá trị: 59,4 x 8.000.000đ = 475.200.000đ.

Các bên không phải trả chênh lệch giá trị tài sản được hưởng cho nhau.

Việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có kèm theo sơ đồ.

- Toàn bộ các tài sản trên đất đều không phải là di sản thừa kế nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Ứng Văn V, ông Ứng Văn G có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Ứng Văn V phải chịu 11.520.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông V có đơn xin miễn nộp tiền án phí và thuộc diện người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho ông Ứng Văn V. Số tiền án phí ông V còn phải nộp là 0đ.

Hoàn trả ông Ứng Văn V 7.812.500đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001022 ngày 24/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang.

Ông Ứng Văn G phải chịu 11.504.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông G có đơn xin miễn giảm tiền án phí nên giảm cho ông G 5.504.000đ án phí dân sự sơ thẩm, ông Ứng Văn G còn phải nộp 6.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTGD TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang
- THADS huyện Văn Giang
- Các đương sự.
- Lưu.

Thẩm phán

Phan Thị Bích Thủy